

れいわ ねんど  
令和3年度

# 神奈川県高校生等奨学給付金 (通常給付・国公立)

じゆぎょうりょういがい きょういくひ しえん へんかんふよう きゅうふきん しんせいひつよう  
授業料以外の教育費を支援する返還不要の給付金(申請必要)

せいかつ ほ ご せいぎょうふじょ じゆきゅうせたい じゅうみんぜいしよとくわりひ かぜいせたい たいしよう  
生活保護(生業扶助)受給世帯・住民税所得割非課税世帯が対象

## 1 申請できる方 令和3年7月1日現在で次の要件のすべてを満たす世帯

### (1) 保護者の方が神奈川県内に住所を有していること。

- 神奈川県外在住の場合は、お住まいの都道府県へお問合せください。
- 都道府県によって申請期限が異なりますので、お早めに(できれば7月中旬に)ご確認ください。

### (2) 生活保護(生業扶助)受給世帯または住民税所得割非課税世帯であること。

- 生活保護(生業扶助)受給世帯(以下「生活保護世帯」という。)の確認は、令和3年7月1日現在の生業扶助の措置状況で確認します。
- 住民税所得割非課税世帯(以下「非課税世帯」という。)の確認は、保護者全員の令和3年度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額で確認します。  
※ 海外赴任等で日本国内に住所を有しないため非課税である場合は対象外となります。

### (3) 対象となる高校生等が高等学校等に在籍していること。

- 高校生等とは、就学支援金、学び直し支援金又は専攻科支援金の受給資格を有する生徒です。
- 高校生等が児童福祉施設(母子生活支援施設を除く。)に入所又は里親に養育されており、見学旅行費又は特別育成費が措置されている場合は対象外となります。
- 高等学校等とは、高等学校(別科を除く。)、中等教育学校(後期課程)、高等専門学校(第1学年から第3学年まで)、専修学校及び各種学校のうち高等学校の課程に類する課程を置くものをいいます。  
※ 高等学校及び中等教育学校(後期課程)の専攻科を含みます。

## 2 申請期間 令和3年7月1日(木)～令和3年12月15日(水)

- 書類審査がありますので、お早めにご提出ください。
- 神奈川県内の公立学校の場合は、校内締切がありますので、各学校へご確認ください。
- 高校生等を複数扶養している場合は、それぞれの高校生等について申請が必要です。

## NIÊN KHÓA 2021

# QUỸ HỖ TRỢ KHUYẾN HỌC DÀNH CHO HỌC SINH LOẠI KOKO TỈNH KANAGAWA (TRỢ CẤP THÔNG THƯỜNG - TRƯỜNG CÔNG LẬP)

Đây là tiền trợ cấp không hoàn lại sử dụng cho phí giáo dục ngoài tiền học phí (Cần đăng ký)  
Đối tượng là các Hộ nhận trợ cấp xã hội hoặc các Hộ được miễn thuế cư dân

## 1 Người được làm đơn: Các gia đình hội đủ các điều kiện sau tính ở thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2021

### (1) Là phụ huynh (người bảo hộ) có địa chỉ trong tỉnh Kanagawa

- Trường hợp sống ở ngoài tỉnh Kanagawa, xin liên hệ với tỉnh thành nơi đang sinh sống.
- Tùy tỉnh thành, thời hạn làm đơn sẽ khác nhau, vì vậy hãy nhanh chóng xác nhận việc này. (nếu có thể trong tháng 7)

### (2) Là gia đình nhận trợ cấp xã hội hoặc gia đình được miễn thuế cư dân

● Gia đình nhận trợ cấp xã hội (dưới đây được gọi tắt là Gia Đình TCXH) sẽ được xác nhận bằng tình trạng trợ cấp xã hội tính ở thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2021.

● Gia đình được miễn thuế cư dân (dưới đây gọi tắt là Gia Đình Miễn Thuế) sẽ được xác nhận bằng ngạch thuế cư dân cấp tỉnh và ngạch thuế cư dân cấp thị xã của tài khóa năm 2021 của tất cả phụ huynh.

※ Trong trường hợp, mặc dù có mức thu nhập nhất định, nhưng vì làm việc ở nước ngoài v.v... cho nên không có địa chỉ trong nước Nhật Bản và không phải đóng thuế, trường hợp này, không được xếp vào đối tượng của Quỹ Hỗ Trợ Khuyến Học.

### (3) Học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ, đang theo học tại các loại trường bậc Koko

● Các học sinh bậc Koko là tên gọi dùng để chỉ các học sinh có tư cách nhận lãnh các loại quỹ để đi học như: Quỹ Hỗ Trợ Học Đường (Shugaku Shien-kin), Quỹ Hỗ Trợ Đi Học Lại (Manabinaoshi Shien-kin) và Quỹ Hỗ Trợ Chuyên Khoa (Senkoka Shien-kin).

● Một số học sinh bậc Koko sẽ không được xếp vào đối tượng hỗ trợ vì đang nhận các loại phí như: phí du lịch học tập (見学旅行費) hoặc phí dưỡng dục đặc biệt (特別育成費); đó là trường hợp các học sinh Koko đang ở trong cơ quan Phúc Lợi Nhi Đồng (Jido Fukushi Shisetsu; không tính ở các Trung Tâm Hỗ Trợ Mẹ và Con - Boshi Seikatushien-shisetsu), hoặc đang được cha mẹ nuôi nuôi dưỡng.

● Các loại trường bậc Koko là tên gọi các loại trường bao gồm: các trường Koko bình thường (Kotogakko; trừ trường biệt khoa-Bekka), trường Giáo Dục Trung Đẳng (Chuto Kyoiku Gakko; Koki Katei - Khóa trình hậu kỳ), trường Cao Đẳng Chuyên Môn (Koto Semmon Gakko; Năm thứ 1 đến năm thứ 3), trường Chuyên Tu (Senshu Gakko) và các loại trường trong đó có khóa trình thuộc bậc trung học cấp III.

※ Trong đó bao gồm cả khóa chuyên khoa của các trường Kotogakko và các trường Giáo Dục Trung Đẳng (Chuto Kyoiku Gakko; Koki Katei - Khóa trình hậu kỳ).

## 2 THỜI HẠN NỘP ĐƠN: Từ 1/7/2021 (thứ Năm) đến 15/12/2021 (thứ Tư)

- Sẽ có việc xét duyệt qua giấy tờ, vì vậy hãy nhanh chóng nộp đơn.
- Trường hợp ở các trường công trong tỉnh Kanagawa, nhà trường có cho thời hạn cuối để nộp, do đó, xin liên lạc xác nhận với trường đang theo học.
- Khi phải nuôi dưỡng nhiều học sinh bậc Koko, thì cần phải làm đơn cho từng em học sinh bậc Koko đó.

### 3 支給時期 申請した月の2箇月後の末頃を予定 (例)7月申請⇒9月末頃支給

- 申請が集中した場合は、支給時期が遅くなる場合があります。
- 【対象となる高校生等が神奈川県内の公立学校に在学の場合のみ】非課税世帯の方で、個人番号(マイナンバー)を利用した収入状況確認を希望した場合、非課税証明書等を利用した場合よりも支給時期が更に2～3週間程度遅くなる可能性があります。
- ※ 専攻科の高校生等は個人番号(マイナンバー)を利用できません。

### 4 申請書提出先 令和3年7月1日に在学する(していた)学校の事務室

- 神奈川県外の国公立学校に在学の場合は、申請書裏面に学校の証明を受けた後、直接、神奈川県教育委員会財務課高校奨学金グループ 〒231-8588 横浜市中区日本大通1-1-1 ☎045-210-8251(直通)へ申請してください。

### 5 支給条件 授業料以外の教育費に係る費用に対して支給します

- 授業料以外の教育費(教科書費、教材費、学用品費、通学用品費、校外活動費、生徒会費、PTA会費、入学用品費、修学旅行積立金等)に係る費用に対して支給しますので、学校納付金に未済がある場合は、奨学給付金支給額を未済額に充当します。
- 授業料以外に学校へ納付するPTA会費等の納付金に未済がないことについて学校長の確認が必要となります。

### 6 支給額 世帯区分及び在学する学校の課程により支給額が異なります 「対象者及び給付額確認シート」を参照してください

- 対象となる高校生等1人あたりの支給額(年額)

世帯区分		全日制・定時制	通信制	専攻科
生活保護世帯		32,300円		
非課税世帯	15歳以上23歳未満の扶養されている兄弟姉妹が	いない	48,500円	48,500円
		いる	141,700円	

### 3 NGÀY CHU CẤP: Dự định là cuối tháng thứ hai sau khi nộp đơn

(Ví dụ) Tháng 7 nộp đơn => cuối tháng 9 sẽ chu cấp

- Trong trường hợp đơn xin bị tập trung nộp quá nhiều, thì ngày chu cấp có thể bị trễ.
- 【Riêng trường hợp học sinh bậc Koko-đối tượng hỗ trợ, hiện đang theo học ở một trường công trong tỉnh Kanagawa】Là người thuộc Gia Đình Miễn Thuế, trong trường hợp có nguyện vọng xác nhận tình trạng thu nhập bằng cách dùng Mã Số Cá Nhân, thì sẽ có khả năng ngày chu cấp sẽ trễ hơn 2~3 tuần so với trường hợp sử dụng giấy chứng minh miễn thuế.  
※ Riêng trường hợp học sinh bậc Koko theo khóa chuyên khoa, thì không thể sử dụng Mã Số Cá Nhân.

### 4 NƠI NỘP ĐƠN:

Tại văn phòng nhà trường đang (đã) theo học vào thời điểm ngày 1/7/2021

- Trường hợp đang theo học tại một trường công lập ở ngoài tỉnh Kanagawa, thì sau khi lấy được dấu chứng minh của nhà trường ở mặt sau tờ đơn, xin đem nộp trực tiếp cho phòng nhận đơn dưới đây.

神奈川県教育委員会財務課高校奨学金グループ 〒231-8588 横浜市中区日本大通1  
☎045-210-8251(直通)

### 5 ĐIỀU KIỆN CHU CẤP:

Chu cấp cho các phí dụng liên hệ đến phí học tập ngoài tiền học phí.

- Việc chu cấp sẽ dành cho các phí dụng liên hệ đến phí giáo dục ngoài tiền học phí (gồm các loại phí như: tiền sách giáo khoa, tiền tài liệu học tập, tiền học cụ, tiền vật dụng để đi học, tiền hoạt động ngoại khóa, tiền Hội Học Sinh, tiền Hội Phụ Huynh và Thầy Cô - PTA, tiền vật dụng khi nhập học, tiền góp cho cuộc du lịch học tập v.v...), do đó, trong trường hợp có những tiền phí phải nộp cho nhà trường, mà chưa kịp nộp, thì tiền chu cấp của Quỹ Khuyến Học Hỗ Trợ này sẽ được sử dụng để bù vào phần chưa nộp đó.
- Về việc không thiếu các phần tiền phải nộp cho nhà trường, chẳng hạn như tiền Hội Phụ Huynh và Thầy Cô - PTA v.v... (trừ tiền học phí), thì cần phải có sự xác nhận của hiệu trưởng.

### 6 NGẠCH CHU CẤP: Tùy theo loại gia đình hoặc khóa học của trường đang theo học, mà ngạch phụ cấp sẽ khác nhau.

Xin tham khảo「Bản Xác Nhận Đối Tượng Chu Cấp và Ngạch Chu Cấp」

- Ngạch chu cấp đối với 1 học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ (tiền chu cấp cho 1 năm)

Loại gia đình		Khóa Chính Quy (Toàn thời) / Khóa Vừa Học Vừa Làm	Khóa Hàm Thụ	Khóa Chuyên Khoa	
Gia Đình TCXH		32,300 yên		48,500 yên	
Gia Đình Miễn Thuế	Có hay không, anh chị em đang được nuôi dưỡng, nằm trong độ tuổi trên 15 và dưới 23 tuổi?	Không	110,100 yên		48,500 yên
	Có	141,700 yên	48,500 yên		

## 7 提出書類

提出前に記入漏れや添付書類の漏れがないことを確認してください  
不備があると支給が遅くなります

### (1) 生活保護世帯・非課税世帯共通

#### ① 高校生等奨学給付金受給申請書

#### ② 振込先口座を確認できる書類(預貯金通帳等のコピー等)

※ 振込先口座の金融機関名、支店名、預金種別(普通口座又は貯蓄口座)、口座番号及び口座名義人(カナ)がわかる部分の通帳のコピー等を提出してください(通帳の表紙の裏に記載されていることが多いです。)

### (2) 生活保護世帯の方 ※専攻科の高校生等を除く。(専攻科の高校生等は(3)参照)

(1)の書類に加えて、令和3年7月1日現在、生業扶助(高等学校等就学費)を受けていることがわかる次の①②の証明書のうちいずれかを提出してください。

#### ① 生活保護法(昭和25年法律第144号)第36条の規定による生業扶助(高等学校等就学費)受給証明書(第2号様式)

※ 学校またはホームページから様式を入手し、福祉事務所で証明を受けてください。

#### ② 生活保護受給証明書の原本又はコピー

申請の対象となる高校生等について、令和3年7月1日現在、生業扶助が支給されていることが記載されている証明書を福祉事務所で発行してもらってください。

このお知らせを担当のケースワーカーに確認いただき、必要な書類の発行を依頼していただくと手続きが円滑に進みます。

※ 専攻科の高校生等は非課税世帯であることを確認するため、上記の書類ではなく(3)に記載の書類を提出していただきます。

## 7 GIẤY TỜ PHẢI NỘP

Trước khi đem đi nộp, xin xác nhận xem đã ghi đầy đủ, hoặc có thiếu sót giấy tờ gì không. Nếu thiếu sót thì việc chu cấp có thể bị trễ nãi.

### (1) Những điểm chung dành cho Gia Đình TCXH và Gia Đình Miễn Thuế

- ① Đơn Xin Quỹ Hỗ Trợ Khuyến Học Dành Cho Học Sinh Bậc Koko
- ② Giấy tờ xác nhận số tài khoản dùng để chuyển khoản (bản copy sổ ngân hàng v.v.)
  - ※ Xin nộp bản copy của sổ ngân hàng v.v. để chuyển khoản, khi đó xin chụp trang có ghi các chi tiết như: tên ngân hàng, tên chi nhánh, chủng loại (thông thường hay tiết kiệm), số tài khoản, tên đầy đủ người chủ tài khoản (viết bằng mẫu tự katakana) (thường thì các chi tiết này có ghi ở trang kế trang bìa)

### (2) Người trong Gia Đình TCXH

※ Trừ học sinh Koko Khóa Chuyên Khoa. (Riêng về học sinh bậc Koko Khóa Chuyên Khoa (専攻科の高校生等) xin tham chiếu ở phần (3))

Ngoài các giấy tờ ở phần (1), xin hãy nộp giấy tờ chứng minh rằng vào thời điểm 1/7/2021, hiện đang nhận trợ cấp xã hội (chi phí đi học của học sinh bậc Koko), đó là một trong những loại giấy chứng minh ① và ② ở dưới đây (chỉ nộp 1 trong 2 thôi).

① **Giấy chứng minh trợ cấp xã hội (chi phí đi học của học sinh bậc Koko)** (mẫu số 2), dựa theo Quy định Điều 36 của Luật Bảo Trợ Đời sống (Số 144, Bộ Luật Năm Showa thứ 25)

※ Hãy lấy bản mẫu từ nhà trường hoặc trang chủ, rồi đem lên văn phòng Phúc Lợi Xã Hội để được cấp phát chứng minh.

② **Bản chính hoặc bản copy của Chứng Minh Thư Trợ Cấp Xã Hội**

Xin đến văn phòng Phúc Lợi Xã Hội để được cấp phát chứng minh thư có ghi rõ việc , được chu cấp bảo trợ cuộc sống ở thời điểm 1/7/2021 của học sinh Koko v.v. là đối tượng hỗ trợ.

**Hãy xác nhận với chuyên viên xã hội (ケースワーカー) liên hệ về thông báo này, và nhờ họ lo liệu giấy tờ cần thiết, thì thủ tục đơn từ sẽ xong sẽ hơn.**

※ Để được xác nhận học sinh bậc Koko Khóa Chuyên Khoa là Gia Đình Miễn Thuế, xin nộp các loại giấy tờ ghi ở phần (3), không phải là các loại giấy tờ bên trên.

### (3) 非課税世帯の方

(1)の書類に加えて、次の①～③の書類を提出してください。

- ① 令和3年度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額の合算額が0円(非課税)であることが確認できる次のア～ウのいずれか(保護者全員分の提出が必要)
  - ア 令和3年度 市町村民税・県民税 非課税証明書の原本又はコピー
  - イ 令和3年度 市町村民税・県民税 特別徴収税額通知書のコピー
  - ウ 令和3年度 市町村民税・県民税 税額決定・納税通知書のコピー

【対象となる高校生等が神奈川県内の公立学校に在学の場合のみ】

- ◆ 就学支援金又は学び直し支援金の申請時に個人番号(マイナンバー)が分かる書類の写し等をご提出いただいている場合は、上記書類の提出を省略し、個人番号を利用して所得割額の確認を行うことが可能です。
- ◆ 詳しくは「非課税世帯の方で個人番号(マイナンバー)を利用される方へ」をご覧ください。

② 対象となる高校生等の健康保険証等のコピー※

③ 兄弟姉妹の健康保険証等のコピー※ (次の条件に該当する場合のみ)

令和3年7月1日現在、対象となる高校生等以外に、15歳(中学生を除く。)以上23歳未満の兄弟姉妹(平成10年7月3日～平成18年4月1日生まれ)を申請者が扶養している場合のみ提出してください。

※ 健康保険証のコピーは、保険者番号及び被保険者等記号・番号を黒塗りし、読み取れない状態にして提出してください。

神奈川県外から転入された場合や、転職等により健康保険証等が変更となった場合など、必要に応じて追加書類をお願いする場合があります。

【対象となる高校生等が神奈川県内の公立学校に在学の場合のみ】

非課税世帯の方で個人番号(マイナンバー)を利用される方へ

- ◆ 非課税世帯の方は、個人番号(マイナンバー)を利用することで、7(3)に記載の「① 令和3年度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額の合算額が0円(非課税)であることが確認できる書類」の提出を省略することができます。
- ◆ 個人番号(マイナンバー)を利用するためには、就学支援金又は学び直し支援金の申請(届出)時に、保護者全員の個人番号(マイナンバー)カードの写し等※を提出している必要があります。
  - ※ 個人番号カードのコピー、個人番号通知カードのコピー、個人番号が記載された住民票の写し、個人番号が記載された住民票記載事項証明書の原本又はコピー
- ◆ 個人番号(マイナンバー)を利用した所得割額の確認を希望した場合、非課税証明書等を利用した場合よりも支給時期が更に2～3週間程度遅くなる可能性があります。
- ◆ 個人番号(マイナンバー)をご利用いただいても税情報が取得できない場合があります。(税の申告を行っていない方など)  
その場合は、あらためて非課税証明書等をご提出いただきますのでご了承ください。

## 8 申請書の誓約・委任欄

申請書裏面に【5】誓約・委任欄がありますので内容を必ず確認していただき署名してください

### (3) Người trong Gia Đình Miễn Thuế

Ngoài giấy tờ ở phần (1), hãy nộp thêm các giấy tờ ①~③ dưới đây.

① Để có thể xác nhận rằng tổng số ngạch thuế cư dân cấp tỉnh và ngạch thuế cư dân cấp thị xã của tài khóa năm 2021 là 0 yên (miễn thuế), xin nộp một trong những loại giấy tờ ア~ウ như dưới đây (Cần nộp phần của tất cả phụ huynh)

ア Bản chính hoặc bản copy của Giấy Chứng Minh Phi Khóa Thuế Thị Dân cấp thị xã và cấp tỉnh, tài khóa 2021

イ Bản copy của Thông Tri về Ngạch Thuế Trưng Thu Đặc Biệt Thuế Thị Dân cấp thị xã và cấp tỉnh, tài khóa 2021

ウ Bản copy của Thông Tri về Quyết Định Ngạch Thuế - Nộp Thuế về Thuế Thị Dân cấp thị xã và cấp tỉnh, tài khóa 2021

[Riêng trường hợp học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ, hiện đang theo học ở một trường công trong tỉnh Kanagawa]

◆ Khi làm đơn xin Quỹ Hỗ Trợ Học Đường hoặc Quỹ Hỗ Trợ Đi Học Lại, trong trường hợp đã nộp bản sao giấy tờ có thể biết Mã Số Cá Nhân, thì việc nộp giấy tờ bên trên có thể lược bớt, có thể bước qua quy trình xác nhận ngạch thuế thu nhập bằng cách sử dụng Mã Số Cá Nhân.

◆ Muốn biết thêm chi tiết, xin xem phần「Gửi quý vị Gia Đình Miễn Thuế sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number)」

② Bản copy thẻ Bảo Hiểm Sức Khỏe của học sinh bậc Koko - đối tượng hỗ trợ※

③ Bản copy thẻ Bảo Hiểm Sức Khỏe của anh-chị-em※ (chỉ ứng vào trường hợp sau)

Tính ở thời điểm ngày 1/7/2021, ngoài học sinh bậc Koko - đối tượng hỗ trợ, chỉ trong trường hợp người làm đơn còn đang nuôi dưỡng anh-chị-em khác có độ tuổi từ 15 tuổi trở lên (trừ học sinh chugakusei) và chưa đến 23 tuổi (nghĩa là có ngày sinh từ ngày 3 tháng 7 năm 1998 đến ngày 1 tháng 4 năm 2006), thì mới phải nộp.

※ Hãy tô màu đen vào các thông tin như số và biểu tượng của công ty bảo hiểm và người được bảo hiểm trong bản copy của thẻ bảo hiểm y tế và nộp chúng với tình trạng không thể đọc được các thông tin đó.

**Khi chuyển chỗ ở vào tỉnh Kanagawa, hoặc vì thay đổi công việc, mà có sự thay đổi thẻ bảo hiểm sức khỏe v.v..., trong các trường hợp này, nếu cần thiết, sẽ có thể bị đòi thêm các giấy tờ khác.**

**[Riêng trường hợp học sinh bậc Koko là đối tượng hỗ trợ, hiện đang theo học ở một trường công trong tỉnh Kanagawa]**

**Gửi quý vị Gia Đình Miễn Thuế sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number)**

◆ Khi quý vị thuộc Gia Đình Miễn Thuế, qua việc sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number), thì như đã nói ở trên ở phần 7 mục (3), quý vị sẽ không phải nộp「① Giấy tờ để có thể xác nhận rằng tổng số ngạch thuế cư dân cấp tỉnh và ngạch thuế cư dân cấp thị xã của tài khóa năm 2021 là 0 yên (miễn thuế)」

◆ Để sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number), thì khi làm đơn xin Quỹ Hỗ Trợ Học Đường hoặc Quỹ Hỗ Trợ Đi Học Lại, quý vị cần phải nộp bản sao chụp thẻ Mã Số Cá Nhân (My Number) v.v...※ của tất cả những người là phụ huynh (người bảo hộ).

※ Gồm bản copy của thẻ Mã Số Cá Nhân, bản copy của giấy thông báo Mã Số Cá Nhân, bản sao giấy chứng minh cư trú (住民票) có ghi Mã Số Cá Nhân, hoặc bản chính hoặc bản copy của giấy trích lục chứng minh cư trú (住民票記載事項証明書) có ghi Mã Số Cá Nhân.

◆ Trường hợp có nguyện vọng xác nhận tình trạng thu nhập bằng cách dùng Mã Số Cá Nhân (My Number), thì sẽ có khả năng ngày chu cấp sẽ trễ hơn 2~3 tuần so với trường hợp sử dụng giấy chứng minh miễn thuế.

◆ Ngay cả trường hợp sử dụng Mã Số Cá Nhân (My Number), cũng có khi không thể lấy được thông tin về thuế khóa (chẳng hạn có người không đi khai thuế (税の申告)v.v...).

Trong trường hợp này, quý vị buộc phải nộp giấy chứng minh miễn thuế. Lúc đó mong quý vị thông cảm.

## 8 KHUNG TUYÊN THỆ - ỦY NHIỆM CỦA ĐƠN XIN

Mặt sau tờ đơn ở phần[5]có khung Tuyên Thệ và khung Ủy Nhiệm, xin quý vị xác nhận nội dung, đồng thời ký tên ở đây.



こうこうせいとうしょうがくきゅうふきん つうじょうきゅうふ たいしょうしゃおよ きゅうふがくかくにん  
高校生等奨学給付金(通常給付)対象者及び給付額確認シート

Quỹ Khuyến Học Dành Cho Học Sinh Koko(trợ cấp thông thường) Bản Xác Nhận Đối Tượng Chu  
Cấp và Ngạch Chu Cấp

- Q 1. れいわ ねん (2021) ねん がつ にちげんざい ほごしゃ かた かながわけんない す  
令和3年(2021年)7月1日現在、保護者の方は神奈川県内にお住まいですか?  
Có phải người bảo hộ hiện đang sinh sống trong tỉnh Kanagawa, tính vào thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2021?  
Phải→Q 2、Không→A1  
↓
- Q 2. れいわ ねん (2021) ねん がつ にちげんざい こうこうせいとう がっこう ざいせき  
令和3年(2021年)7月1日現在、高校生等は学校に在籍していますか?  
Có phải học sinh Koko hiện đang trong danh sách học sinh của một trường, tính vào thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2021?  
Phải→Q 3、Không→A2  
↓
- Q 3. れいわ ねん (2021) ねん がつ にちげんざい こうこうせいとう せいかつ ほご せいぎょうふじょ う  
令和3年(2021年)7月1日現在、高校生等は生活保護(生業扶助)を受けていますか?  
Có phải hiện đang nhận trợ cấp xã hội(Hỗ trợ sinh kế - nghề nghiệp), tính vào thời điểm ngày 1 tháng 7 năm 2021?  
Phải→A3、Không→Q 4  
↓
- Q 4. ほごしゃぜんいん れいわ ねん 2021ねん ど とどうふけんみんぜいしよとくわりがく しちょうそんみんぜいしよとくわりがく  
保護者全員の令和3年(2021年)度の都道府県民税所得割額と市町村民税所得割額の  
がく がっさんがく えん ひかせい  
額の合算額は0円(非課税)ですか?  
Có phải tất cả những người bảo hộ tổng cộng có mức thuế là 0 yen (miễn thuế) ở tài khóa 2021, dựa trên "Mức thuế cư trú của Thủ đô - Đạo - Phủ - Tỉnh tính theo thu nhập và Mức thuế cư trú của Thị Xã - Thôn tính theo thu nhập" ?  
Phải→Q 5、Không→A4  
↓
- Q 5. つうしんせい せんこうか こうこうせいとう  
通信制または専攻科の高校生等はいますか?  
Có học sinh bậc Koko đang theo học Khóa Hàm Thu hoặc Khóa Chuyên Khoa, hay không?  
Có→A5、Không→Q 6  
↓
- Q 6. こうこうせいとういがい さい ちゅうがくせい のぞ いじょう23さいみまん ふよう きょうだいしまい  
高校生等以外に15歳(中学生を除く。)以上23歳未満の扶養されている兄弟姉妹がいますか?  
Trừ học sinh Koko ra, có anh chị em nào đang được nuôi dưỡng, và có độ tuổi trên 15 (không kể học sinh trung học cấp I / Chu gakko) hoặc dưới 23 không?  
Có→A6、Không→Q 7  
↓
- Q 7. ふたりいじょう こうこうせいとう  
2人以上の高校生等がいますか?  
Có hơn 2 người học sinh Koko không?  
Có→A7、Không→A8

A1. 都道府県ごとに申請期間が異なりますので、早急にお住まいの都道府県にお問合せください。  
Xin cấp tốc hỏi tại địa phương mình đang sinh sống (cấp hành chính To-Do-Fu-Ken), vì thời hạn nộp đơn của từng địa phương sẽ không giống nhau.

A2. 該当しません。(休学又は7月2日以降の入学の場合はお問い合わせください。)  
お問い合わせください。)

Không thỏa điều kiện.

(Trường hợp tạm nghỉ học hoặc nhập học sau ngày 2 tháng 7, xin liên lạc để hỏi rõ)

A3. 「生活保護受給世帯」の給付額です。専攻科以外 国公立 32,300円 私立 52,600円  
専攻科※ 国公立 48,500円 私立 50,100円

※ 保護者の方に令和3年度の住民税所得割が課税されている方がいる場合は対象外

Là ngạch phụ cấp ở gia đình đang nhận Trợ Cấp Xã Hội.,

Ngành Khóa Chuyên Khoa: Trường công = 32,300 yen Trường tư = 52,600 yen

Khóa Chuyên Khoa※: Trường công = 48,500 yen Trường tư = 50,100 yen

※ Ở trong trường hợp trong phụ huynh có người được tính thuế cư trú vào năm 2021 sẽ không thành đối tượng.

A4. 該当しません。 Không thỏa điều kiện.

A5. 通信制・専攻科の高校生等については「通信制」「専攻科」の給付額です。  
国公立 48,500円 私立 50,100円

Về học sinh Koko theo khóa trình

hàm thụ hoặc Khóa Chuyên Khoa, thì gọi là Ngạch phụ cấp hàm thụ.

Trường công = 48,500 yen Trường tư = 50,100 yen

通信制・専攻科以外の高校生等がある場合は「非課税世帯・第2子」の給付額です。

国公立 141,700円 私立 150,000円

Trường hợp có một học sinh Koko ngoài khóa trình hàm thụ hoặc Khóa Chuyên Khoa, là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ 2].

Trường công = 141,700 yen Trường tư = 150,000 yen

A6. 「非課税世帯・第2子」の給付額です。国公立 141,700円 私立 150,000円

Là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ 2].

Trường công = 141,700 yen Trường tư = 150,000 yen

A7. 1人目の高校生等は「非課税世帯・第1子」の給付額です。

国公立 110,100円 私立 129,600円

Học sinh Koko thứ nhất, sẽ được nhận ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ nhất]. Trường công = 110,100 yen Trường tư = 129,600 yen

2人目以降の高校生等は「非課税世帯・第2子」の給付額です。

国公立 141,700円 私立 150,000円

Học sinh Koko thứ 2 trở đi sẽ được nhận ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ 2].

Trường công = 141,700 yen Trường tư = 150,000 yen

A8. 「非課税世帯・第1子」の給付額です。国公立 110,100円 私立 129,600円

Là ngạch phụ cấp dành cho [Gia Đình Miễn Thuế・ người con thứ nhất].

Trường công = 110,100 yen Trường tư = 129,600 yen